

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 53/2024/DSPT

Ngày 16/4/2024

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quế

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Quý My và bà Nguyễn Thị Thuỷ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thuỷ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**

Bà Đỗ Thị Thu Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DSST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/QĐPT - DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1995 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị X, sinh năm 1972 (mẹ đẻ chị H có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện P;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh S - Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thanh T - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P (vắng mặt).

3.2. Bà Dương Thị X, sinh năm 1972 (mẹ chị H);

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3.3. Anh Dương Văn N, sinh năm 1989 (con trai bà C);

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3.4. Bà Dương Thị L, sinh năm 1958 (bác của chị H);

Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3.5. Bà Dương Thị S1, sinh năm 1966 (bác của chị H);

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Ông bà nội chị là cụ Dương Đình L1 và cụ Dương Thị T1 đều mất năm 1993. Ông bà nội chị có 4 người con là: Bà Dương Thị L, ông Dương Đình L2, bà Dương Thị S1 và ông Dương Đình H1 (bố chị), ông bà nội chị không có con riêng, con nuôi, khi chết ông bà nội không để lại di chúc. Bố chị là ông Dương Đình H1 đã chết năm 2000, mẹ chị là bà Dương Thị X. Lúc mẹ chị về làm dâu thì ông nội chị đã mất, sau khi mẹ chị về làm dâu một thời gian thì bà nội mất, bố mẹ chị ở trên nhà và đất của ông, bà nội chị để lại hiện giờ là thửa đất số 1560 diện tích 525m<sup>2</sup> tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Năm 2000, bố của chị chết thì anh trai của bố chị là bác Dương Đình L2 về không cho mẹ con chị ở đó với lý do chị là con gái, mẹ chị không có con trai thì không được ở, bác L2 ở để thờ cúng ông bà. Bác L2 trả lại cho mẹ chị sổ ruộng là đất đảm mạ và đất lúa là tiêu chuẩn hợp tác xã theo định xuất cho bố chị. Khoảng tháng 3/2022, bà C (vợ ông L2) gọi chị sang nhà và đưa cho chị 10.000.000đ nói là lộc của ông bà nội lúc đó chị mới biết là bà C đã bán đất của ông bà nội để lại để sử dụng vào mục đích cá nhân. Nay chị yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế mà ông bà nội chị để lại là phần đất thổ cư, đất vườn; Không yêu cầu chia phần ruộng nông nghiệp của ông bà để lại, không yêu cầu hủy bìa đồ cấp cho hộ ông Dương Đình L2.

Người có quyền lợi liên quan bà Dương Thị X khai: Tôi kết hôn với anh Dương Đình H1 tháng 11/1993, quá trình chung sống vợ chồng có một con chung Dương Thị H, sinh năm 1995. Bố mẹ chồng tôi là ông Dương Đình L1 và bà Dương Thị T1. Sau khi kết hôn tôi về ở chung với bố mẹ chồng, khi đó bố chồng tôi đã chết tháng 4/1993; còn mẹ chồng sau cưới gần một tháng thì mẹ chồng tôi chết. Bố mẹ chồng tôi có 4 người con là: Dương Thị L, Dương Đình L2, Dương Thị S1 và chồng tôi là Dương Đình H1. Khi mẹ chồng tôi chết thì hai chị gái chồng đã lấy chồng và ở nhà chồng; Anh L2 ở với vợ bên xã Đ, trước đó bố mẹ chồng tôi đã cho đất và làm nhà cho vợ chồng bác L2 nhưng bác L2 đã bán đi sang nhà vợ ở. Vợ chồng tôi lo tang ma cho mẹ chồng tôi và sinh sống tại nhà đất của bố mẹ chồng tôi để lại đến tháng 9/2000 thì chồng tôi chết, sau khi cúng 100 ngày chồng tôi thì anh L2 về gọi mấy người trong nhà đến và nói do vợ chồng tôi không có con trai, con gái không thể thờ cúng được nên mẹ con tôi không thể ở lại đất này được mà phải về bà ngoại ở, để lại đất cho bác L2 thờ cúng ông bà và bác L2 trả cho tôi sổ ruộng theo định xuất của chồng tôi. Năm 2014 bác L2 chết, bác C đã tự ý bán đất của bố mẹ chồng tôi. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết chia phần của chồng tôi trong diện tích đất của bố mẹ chồng tôi để lại cho con gái tôi là Dương Thị H theo quy định của pháp luật, bản thân tôi không có yêu cầu gì về diện tích đất được thừa kế của chồng tôi.

Bị đơn bà Trần Thị C trình bày: Bà kết hôn với ông Dương Đình L2 năm 1986, sau khi kết hôn vợ chồng bà sống cùng bố mẹ chồng là ông Dương Đình L1 và bà Dương Thị T1. Ông L1 chết ngày 08/4/1993; bà T1 chết ngày 24/11/1993 âm lịch). Chồng bà có 04 anh chị em ruột gồm: Bà Dương Thị L, ông Dương Đình L2, bà Dương Thị S1, ông Dương Đình H1, ông bà không có con riêng, con nuôi, khi chết ông bà không để lại di chúc. Vợ chồng bà có 02 người con là Dương Văn N, sinh năm 1989 và Dương Thị T2, sinh năm 1991. Cháu T2 mất năm 1998, ông L2 mất năm 2014.

Khi bà về làm dâu thì chị L và cô S1 đã đi lấy chồng, bà ra ở riêng thì bố mẹ bà lấy vợ cho chú Dương Đình H1, vợ chồng chú Hồng sinh được 01 con gái là cháu H. Đến năm 2000 thì chú Dương Đình H1 chết. Khi bố mẹ chồng bà chết ông bà để lại mấy gian nhà tranh tre, tường trình đất, đất của ông bà đã có bìa đỏ. Chú H1 mất được khoảng 50 ngày thì cô X bỏ về nhà mẹ đẻ. Đến ngày 30/01/2001 gia đình họp và thống nhất vợ chồng bà ở đất thổ cư (trên đất vẫn còn nguyên vẹn nhà của ông bà, vợ chồng chú H1 không cải tạo gì thêm). Buổi họp gia đình bà có mặt nhưng không ký biên bản. Phần đất ruộng hai lúa tiêu chuẩn của chú H1 thì trả lại cho cô X. Sau cuộc họp thì chồng tôi kê khai xin cấp bìa đỏ gồm:

Thửa đất số 1560a tờ bản đồ số 10, diện tích 300m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: T

Thửa đất số 1560b tờ bản đồ số 10, diện tích 225m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Vườn.

Thửa đất số 1106 tờ bản đồ số 6, diện tích 230m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: 2L

Thửa đất số 1086 tờ bản đồ số 9, diện tích 200m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Đất màu

Thửa đất số 1147 tờ bản đồ số 6, diện tích 130m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: 2L

Thửa đất số 690 tờ bản đồ số 10, diện tích 345m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: 2L

Thửa đất số 486 tờ bản đồ số 9, diện tích 215m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: 1L

Thửa đất số 1249 tờ bản đồ số 6, diện tích 375m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: 1L

Thửa đất số 1131 tờ bản đồ số 10, diện tích 45m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Mạ

Thửa đất số 387 tờ bản đồ số 9, diện tích 380m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: 2L

Thửa đất số 1187 tờ bản đồ số 6, diện tích 515m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: 2L

Thửa đất số 1146 tờ bản đồ số 6, diện tích 145m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: 2L

Thửa đất số 1483 tờ bản đồ số 10, diện tích 225m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Mạ

Thửa đất số 320a tờ bản đồ số 9, diện tích 195m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Đất màu.

Thửa đất số 1201 tờ bản đồ số 10, diện tích 100m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Mạ

Thửa đất số 115 tờ bản đồ số 20, diện tích 130m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Đất màu.

Hiện nay nhà trên của ông bà đã cũ, hỏng, đất bà đang trồng cây. Vợ chồng bà đã mua đất ở năm 2007, cạnh đất của bố mẹ chồng để lại. Hiện bà đang ở cùng con trai là cháu N. Nay cháu H yêu cầu chia thừa kế phần đất thổ cư và đất

vườn thì bà không đồng ý vì mẹ con bà đã nhận thừa kế của chồng bà khi chồng bà chết. Cô X đã nhận phần ruộng của chú H1.

Anh Dương Văn N trình bày: Nhà anh có 02 anh em ruột, anh và Dương Thị T2, sinh năm 1991. Em T2 mất năm 1998. Sự việc về đất đai của ông bà nội anh thì anh không nắm được. Hiện nay mẹ con anh đang ở phần đất bố mẹ anh mua (cạnh đất của ông bà nội). Nay chị Dương Thị H khởi kiện về chia thừa kế, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Dương Thị L trình bày: Bố mẹ bà là ông là Dương Đình L1 và mẹ là Dương Thị T1, hai ông bà đều đã mất năm 1993. Bố mẹ bà có 4 người con là: Dương Thị L, Dương Đình L2, Dương Thị S1 và Dương Đình H1, ông bà không có con riêng, con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc. Hiện nay Dương Đình L2 và Dương Đình H1 đã chết, nay chỉ còn vợ con. Sinh thời bố mẹ bà có nhà và đất ở xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và ruộng đất do hợp tác xã chia. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bố mẹ bà. Khi bố mẹ bà còn sống thì cậu H1 và cô X ở cùng bố mẹ bà, vì cậu H1 là con út. Còn ông L2 lấy vợ được nhà vợ cho đất ở riêng tại xóm L, xã Đ, huyện P. Sau khi bố mẹ bà chết một thời gian thì anh em trong gia đình thống nhất giao nhà đất lại cho người có con trai để thờ cúng. Phần đất ruộng đã chia hết cho hai con dâu, chỉ còn phần đất thổ cư của ông bà hiện nay bà C và cháu N đang quản lý, sử dụng. Nay cháu H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà đất của bố mẹ bà để lại, bà xác định bà được hưởng  $\frac{1}{4}$  số đất bố mẹ bà để lại, nhưng bà vẫn giữ nguyên ý kiến trước đây là để lại cho cháu N và bà C quản lý sử dụng và thờ cúng các cụ. Còn yêu cầu của cháu H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Dương Thị S1 trình bày: Bà nhất trí ý kiến của bà L, phần tài sản bà được hưởng thì bà để lại cho bà C và cháu N quản lý sử dụng và thờ cúng các cụ. Còn yêu cầu của cháu H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện P có ý kiến: Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01269 do UBND huyện P cấp ngày 30/10/2001 mang tên hộ ông Dương Đình L2: Có nguồn gốc của ông L1, bà T1 sử dụng để ở từ trước năm 1990. Tại biên bản họp gia đình ngày 30/01/2001 thống nhất phân chia quyền sử dụng đất cho ông Dương Đình L2, tuy nhiên chưa đủ thành phần thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông L1, bà T1. Kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông Dương Đình L2 và bà Trần Thị C không kê khai phần nguồn gốc sử dụng đất. Do vậy, căn cứ Thông tư 345/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của T3 Hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01269 của

UBND huyện P cấp ngày 30/10/2001 mang tên hộ ông Dương Đình L2 là chưa đảm bảo theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản của ông Dương Đình L1 và bà Dương Thị T1 để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Dương Thị L, Dương Thị S1 về việc nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà Trần Thị C và anh Dương Văn N.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 32/2023/DSST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 613, 614, 623, 649, 651, 656, 659, 660, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H2 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Giao cho chị Dương Thị H sử dụng diện tích 117,3m<sup>2</sup> đất (trong đó đất ở 75m<sup>2</sup> và đất vườn 42,3m<sup>2</sup>) theo mốc giới 23, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 24, 23 (có sơ đồ kèm theo). Cây ăn quả trên phần đất của chị H (nếu có), sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh N và bà C có trách nhiệm di dời khỏi phần đất của chị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Dương Thị L, Dương Thị S1 về việc nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị C và anh Dương Văn N để bà C và anh N có trách nhiệm thờ cúng nên bà Trần Thị C và anh Dương Văn N sử dụng diện tích đất còn lại là 352,2m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 225m<sup>2</sup> và đất vườn 127,2m<sup>2</sup>) trên đất có cây keo và một số cây ăn quả.

Các đương sự làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2023 bà Trần Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án vì bà cho rằng vợ chồng bà đã có bìa đỏ nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà C vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của chị H. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà C về phần án phí. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Trần Thị C vì bà C là người cao tuổi.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1]. Cụ Dương Đình L1 và cụ Dương Thị T1 có 04 người con chung là bà L, ông L2, bà S1, ông H1. Cụ L1, cụ T1 đều chết năm 1993 không để lại di chúc. Ông H1 chết năm 2000 (ông H1 có vợ là bà X có 01 con chung là chị Dương Thị H). Ông L2 chết năm 2014 (ông L2 có vợ là bà C và có 02 người con là anh Dương Văn N và chị Dương Thị T2. Chị T2 chết năm 1998 còn nhỏ).

[2]. Di sản của hai cụ để lại là thửa đất số 1560a tờ bản đồ số 10, diện tích 300m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Đất T và thửa đất số 1560b tờ bản đồ số 10, diện tích 225m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Đất vườn. Địa chỉ thửa đất tại: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai cụ là đúng thực tế đều được các đương sự thừa nhận. Sau khi hai cụ chết thì vợ chồng ông L2, bà C làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất và được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01269 ngày 30/10/2001 mang tên hộ ông bà Dương Đình L2. Nay chị H là con của ông H1 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà nội để lại cho bố chị, nếu bố chị còn sống thì bố chị được hưởng phần thừa kế này, nhưng bố chị đã chết nên chị là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bố chị, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết chia thừa kế là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

[3]. Cụ L1 và cụ T1 ngoài hai thửa đất thổ cư và đất màu còn có 12 thửa đất ruộng nhưng chị H chỉ yêu cầu chia đất thổ cư và đất vườn làm 4 phần bằng nhau, chị được hưởng một phần còn chị không yêu cầu chia 12 thửa ruộng là đã có lợi cho bà C, do vậy yêu cầu của bà C kháng cáo không đồng ý chia thừa kế là không đúng, cần bác kháng cáo của bà C, tuy nhiên cần sửa cách tuyên và phần án phí sơ thẩm vì bà C là người cao tuổi.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà C về phần án phí. Sửa

bản án sơ thẩm theo hướng miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà C vì bà C là người cao tuổi là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị C, sửa cách tuyên và phần án phí của bản án sơ thẩm số 32/2023/DSST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H2 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Giao cho chị Dương Thị H sử dụng diện tích 117,3m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất (trong đó đất ở 75m<sup>2</sup> và đất vườn 42,3m<sup>2</sup>) theo mốc giới 23, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 24, 23 (có sơ đồ đo đạc kèm theo bản án).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị L, Dương Thị S1 về việc nhường kỷ phần di sản thừa kế được hưởng là quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị C và anh Dương Văn N sử dụng diện tích đất còn lại 352,2m<sup>2</sup> và tài sản trên đất (trong đó đất ở 225m<sup>2</sup> và đất vườn 127,2m<sup>2</sup>) theo mốc giới 1, 2, 3, 23, 24, 14,15,16,17,18,1 (có sơ đồ đo đạc kèm theo bản án).

Chị Dương Thị H có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo bản án. Bà Trần Thị C và anh Dương Văn N có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp lại quyền sử dụng đất theo bản án.

3. Về chi phí tố tụng: Sau khi bù trừ nghĩa vụ, buộc bà Trần Thị C và anh Dương Văn N phải trả cho chị Dương Thị H 5.342.000đ (năm triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

- Chị Dương Thị H phải chịu 2.120.000đ (hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 3.000.000 đ (ba triệu đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002812 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Trả lại chị H số tiền 880.000đ (tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- Miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Trần Thị C. Trả lại bà C 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0003666 ngày 20/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- UBND huyện Phú Bình;
- UBND xã Thượng Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Quê**

